

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Số: 1703/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Phước, ngày 08 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 và Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3234/TTr-SKHĐT ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc giao điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 với số vốn 3.674 tỷ 704 triệu đồng cho các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện.

(Có các biểu kế hoạch vốn chi tiết kèm theo).

Điều 2.

1. Giao các chủ đầu tư: Tập trung các giải pháp cụ thể tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc đền bù, giải phóng mặt bằng; đẩy nhanh tiến độ thi công công trình, dự án. Lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực kỹ thuật và tài chính, kinh nghiệm để triển khai đúng tiến độ thi công, bảo đảm chất lượng công trình, hàng hóa, dịch vụ; khẩn trương hoàn thiện hồ sơ của các công trình, dự án có khối lượng được nghiệm thu, làm thủ tục thanh toán ngay với Kho bạc nhà nước. Đối với các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, phải khẩn trương phê duyệt quyết toán đảm bảo theo quy định.

2. Các sở chuyên ngành: Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện dự án; giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

3. Giao các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Cục Thuế và các đơn vị có liên quan thực hiện tốt công tác đấu giá quyền sử dụng đất và định giá đất đối với dự án đấu giá quyền sử dụng đất để đảm bảo nguồn thu theo dự toán đã giao; căn cứ tiến độ thu ngân sách, Sở Tài chính kịp thời nhập Tabmis toàn bộ kế hoạch vốn đã giao để tạo điều kiện cho các chủ đầu tư giải ngân các nguồn vốn.

4. Đối với vốn tỉnh phân cấp các huyện, thị xã, thành phố quản lý, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Giao chi tiết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 cho các đơn vị, chủ đầu tư trực thuộc sau khi đã thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ và giao kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2024 theo quy định, đảm bảo tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo kết quả giao vốn về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 11 năm 2024 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Việc phân bổ vốn năm 2024 phải đảm bảo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên sau:

+ Danh mục dự án bố trí vốn năm 2024 phải đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Bố trí vốn đối ứng cho các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu.

+ Bố trí vốn tất toán cho các công trình đã quyết toán.

+ Bố trí vốn cho các dự án chuyên tiếp, dự án có khả năng hoàn thành trong năm 2024.

+ Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại bố trí vốn cho các dự án khởi công mới đảm bảo đủ thủ tục đầu tư được quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công.

- Việc triển khai giao kế hoạch vốn phải đảm bảo đúng cơ cấu về nguồn vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và khả năng huy động của địa phương cho các xã nông thôn mới về đích năm 2024.



- Tiếp tục sử dụng tiền sử dụng đất khối huyện ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, xây dựng nông thôn mới và các nhiệm vụ thuộc đối tượng quy định của Luật Đầu tư công. Thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư, công tác GPMB; khắc phục hạn chế trong việc chậm triển khai thực hiện dự án đầu tư công, chậm giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm, phấn đấu giải ngân hết số vốn được giao năm 2024.

- Bố trí vốn đầu tư công phải đảm bảo đúng tính chất, nội dung, không bố trí vốn cho các công trình phải sử dụng nguồn vốn sự nghiệp như công trình duy tu, sửa chữa, bảo trì các cơ sở vật chất hiện có. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan có liên quan khác về tính chính xác của thông tin số liệu của dự án, mức vốn phân bổ cho từng dự án theo quy định pháp luật.

5. Đối với 03 Chương trình mục tiêu quốc gia:

- Giao Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh và Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh triển khai thực hiện các dự án thành phần của từng chương trình theo quy định.

- Căn cứ số vốn được giao của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương phê duyệt dự án và giao chi tiết vốn cho từng dự án đầu tư đến từng chủ đầu tư (các đơn vị chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã tùy theo năng lực của từng chủ đầu tư theo quy định). Đối với dự án đầu tư có cùng mục tiêu và thực hiện trên cùng một địa bàn cấp xã, cấp huyện, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động lồng ghép các nguồn vốn của 03 chương trình đã được giao ngay từ khâu chuẩn bị thực hiện dự án tránh dàn trải, chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

- Kế hoạch vốn 03 Chương trình mục tiêu quốc gia nguồn ngân sách trung ương năm 2023 chưa giải ngân hết được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến hết ngày 31/12/2024 theo Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội.

6. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Thực hiện rà soát, báo cáo phân bổ điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 vốn tỉnh phân cấp các huyện, thị xã, thành phố quản lý. Trường hợp phát hiện phân bổ không đúng nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí vốn, tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của kế hoạch vốn đầu tư công đã được giao, không đảm bảo các yêu cầu theo quy định của pháp luật đầu tư công, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh họp giao ban XDCB định kỳ để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Chủ động rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chuyển vốn đối với các dự án triển khai chậm, bổ sung vốn cho các dự án có khối lượng hoàn thành và giải ngân tốt, đảm bảo tỷ lệ giải ngân cuối năm phấn đấu đạt trên 95% kế hoạch vốn được giao.

7. Giao Kho bạc Nhà nước Bình Phước chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục vận hành hệ thống Tabmis, báo cáo giải ngân điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 đã giao đảm bảo chính xác, kịp thời.

8. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư:

Quyết liệt chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Công điện số 24/CĐ-TTg ngày 22/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024; các Chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh số 05/CT-UBND ngày 06/6/2024 về đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 và số 07/CT-UBND ngày 06/9/2024 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024, trong đó xác định giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 là nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc về công tác đấu giá quyền sử dụng đất với kết quả cao nhất để có nguồn thu giải ngân vốn đầu tư công; Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dự án kết nối, dự án có tác động liên kết vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Đề cao kỷ luật, kỷ cương đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gấn kết quả giải ngân với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đến hết niên độ ngân sách năm 2024, Chủ đầu tư không giải ngân tối thiểu đạt 95% kế hoạch được giao là một trong các tiêu chí để xem xét, đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và cán bộ, công chức liên quan theo quy định. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công. Định kỳ trước ngày 25 hằng tháng, hằng quý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 đồng gửi các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

9. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 được phép giải ngân đến hết ngày 31/01/2025.

10. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan tổ chức phát động phong trào thi đua đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công năm 2024.

11. Quyết định này thay thế các Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024; Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024; Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024; Quyết định số 1046/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm



nghèo bền vững năm 2024; Quyết định số 1652/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (đợt 4).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: KH và ĐT, TC;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT.HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT. 62Binh *HC*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *HC*



Trần Tuệ Hiền

Trần Tuệ Hiền



BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
	TỔNG SỐ	5.630.202	5.585.541	44.661	3.674.704	3.630.043	44.661	
I	Vốn ngân sách địa phương	4.845.850	4.845.850		2.890.352	2.890.352		Chi tiết biểu 1
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	493.310	493.310		493.310	493.310		
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	3.109.740	3.109.740		1.007.242	1.007.242		
2.1	Khối tỉnh	2.431.580	2.431.580		544.682	544.682		
2.2	Khối huyện	678.160	678.160		462.560	462.560		
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.225.000	1.225.000		1.372.000	1.372.000		
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	17.800	17.800		17.800	17.800		
II	Vốn ngân sách trung ương	784.352	739.691	44.661	784.352	739.691	44.661	
1	Vốn trong nước	739.691	739.691		739.691	739.691		Chi tiết biểu 2
1.1	Các Chương trình mục tiêu	395.800	395.800		395.800	395.800		
1.2	Các Chương trình mục tiêu quốc gia	343.891	343.891		343.891	343.891		
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	188.432	188.432		188.432	188.432		
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	3.699	3.699		3.699	3.699		
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	151.760	151.760		151.760	151.760		
2	Vốn nước ngoài	44.661		44.661	44.661		44.661	Chi tiết biểu 3
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	44.661		44.661	44.661		44.661	



Biểu số 1
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
 (Kèm theo Quyết định số *1703/QĐ-UBND* ngày *08* tháng *11* năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				
						Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
	Tổng số		10.145.114	18.235.459	4.845.850	493.310	3.109.740	1.225.000	17.800	2.890.352	493.310	1.007.242	1.372.000	17.800	
A	Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố			8.967.024	981.760	303.600	678.160	-		766.160	303.600	462.560	-	-	
1	Thành phố Đồng Xoài				126.600	28.600	98.000			107.000	28.600	78.400			
2	Thị xã Bình Long				86.060	25.300	60.760			34.120	25.300	8.820			
3	Thị xã Phước Long				35.960	24.200	11.760			35.960	24.200	11.760			
4	Huyện Đồng Phú				126.600	28.600	98.000			72.700	28.600	44.100			
	<i>Trong đó:</i>														
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>				29.400		29.400			13.230		13.230			
5	Huyện Bù Đăng				76.980	31.900	45.080			96.580	31.900	64.680			
	<i>Trong đó:</i>														
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>				13.524		13.524			19.404		19.404			
6	Huyện Bù Gia Mập				67.680	27.500	40.180			43.180	27.500	15.680			
	<i>Trong đó:</i>														
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>				12.054		12.054			4.704		4.704			
7	Thị xã Chơn Thành				166.660	27.500	139.160			127.460	27.500	99.960			
8	Huyện Hớn Quản				88.260	27.500	60.760			86.300	27.500	58.800			
	<i>Trong đó:</i>														
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>				18.228		18.228			17.640		17.640			
9	Huyện Lộc Ninh				81.760	30.800	50.960			81.760	30.800	50.960			
	<i>Trong đó:</i>														
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>				15.288		15.288			15.288		15.288			
10	Huyện Bù Đốp				53.720	25.300	28.420			34.120	25.300	8.820			
	<i>Trong đó:</i>														
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>				8.526		8.526			2.646		2.646			
11	Huyện Phú Riềng				71.480	26.400	45.080			46.980	26.400	20.580			
	<i>Trong đó:</i>														
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>				13.524		13.524			6.174		6.174			
B	Trả nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)		495.557	64.860	16.070	16.070				16.070	16.070				Sở Tài chính



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				
						Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
C	Hoàn trả vốn ứng trước ngân sách trung ương				10.000	10.000				46.684	10.000		36.684		Sở Tài chính
D	Hoàn trả ngân sách tỉnh				1.583.000	-	1.583.000			-	-	-	-	-	Sở Tài chính
I	Hút thu tiền sử dụng đất khối tỉnh năm 2022				1.533.000		1.533.000			-		-			
II	Hoàn trả nguồn hỗ trợ thành phố Hồ Chí Minh				50.000		50.000			-		-			
E	Vốn đối ứng ngân sách trung ương		2.686.000	2.231.000	536.600	-	152.200	384.400	-	485.910	-	47.450	438.460	-	
1	Chương trình MTQG nông thôn mới			1.295.000	159.000			159.000		159.000			159.000		Phụ lục 1.1
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			250.000	15.400			15.400							
3	Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo năm 2023									9.710			9.710		Phụ lục 1.2
4	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			80.000	19.000			19.000		19.000			19.000		Phụ lục 1.3
5	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025		140.000	28.000	10.000			10.000		10.000			10.000		Sở Y tế
6	Dự án tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt	2713/QĐ-BNN-XD ngày 06/7/2023	646.000	186.000	50.000			50.000		5.000			5.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387/QĐ-UBND ngày 8/2/2021; 1631/QĐ-UBND ngày 7/9/2022	1.450.000	345.000	256.200			152.200	104.000	256.200		47.450	208.750		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
8	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	987/QĐ-UBND ngày 7/5/2020	450.000	47.000	27.000			27.000		27.000			27.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
F	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán			154.375	24.180			2.980	21.200	44.450			44.450		Phụ lục 1.4
G	Vốn thực hiện dự án		6.963.557	6.818.200	1.694.240	163.640	693.400	819.400	17.800	1.531.078	163.640	497.232	852.406	17.800	
G1	Dự án chuyển tiếp		6.477.557	6.439.000	1.496.240	138.640	693.400	646.400	17.800	1.343.078	138.640	477.232	709.406	17.800	
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		5.191.557	4.406.600	904.800	43.600	693.400	150.000	17.800	786.638	43.600	477.232	248.006	17.800	
1	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	110.000	43.600	43.600				36.600	36.600				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	100.000	90.000	14.000		14.000			14.000		14.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bầu Bàng	1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021; 3158/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	440.000	396.000	100.000			100.000		100.000			100.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				
						Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
4	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước (đường Minh Lập - Lộc Hiệp)	2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017; 1901/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	495.557	423.000	17.800				17.800	17.800				17.800	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	2409/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	80.000	72.000	20.000		20.000			-					UBND TP Đồng Xoài
6	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	1988/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	250.000	225.000	40.000		40.000			40.000		5.394	34.606		UBND TP Đồng Xoài
7	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	372.000	334.800	20.000		20.000			16.232		16.232			UBND huyện Đồng Phú
8	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	213/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	340.000	306.000	15.000		15.000			12.000		12.000			UBND huyện Đồng Phú
9	Xây dựng đường từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	215/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	130.000	117.000	15.000		15.000			12.000		12.000			UBND huyện Đồng Phú
10	Nâng cấp mở rộng đường đường Phú Riêng Đò từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	1607/QĐ-UBND ngày 22/4/2021	38.000	34.200	15.000		15.000			12.000		12.000			UBND huyện Đồng Phú
11	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	2138/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	30.000	27.000	12.000		12.000			12.000		12.000			UBND huyện Lộc Ninh
12	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	2204/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	30.000	27.000	11.000		11.000			11.000		11.000			UBND huyện Lộc Ninh
13	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	1461/QĐ-UBND ngày 03/7/2021	45.000	40.500	16.000		16.000			16.000		16.000			UBND huyện Lộc Ninh
14	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	2063/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	160.000	54.500	19.000		19.000			19.000		19.000			UBND huyện Bù Đốp
15	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	362/QĐ-UBND ngày 05/2/2021	55.000	49.500	20.000		20.000			20.000		20.000			UBND huyện Bù Đốp
16	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	236/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	80.000	72.100	20.000		20.000			20.000		20.000			UBND huyện Bù Đốp
17	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đồn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	3281/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	110.000	99.100	20.000		20.000			20.000		20.000			UBND huyện Bù Đốp
18	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 760 từ ngã tư ĐT 741 đến cầu Đak Ó xã Phú Văn (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT 741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	2140/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	150.000	135.000	25.000		25.000			20.000		20.000			UBND huyện Bù Gia Mập
19	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14C)	2408/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	75.000	67.500	25.000		25.000			20.000		20.000			UBND huyện Bù Gia Mập
20	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kìa qua xã Bình Thăng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	584/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	60.000	54.000	25.000		25.000			20.000		20.000			UBND huyện Bù Gia Mập

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				
						Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
21	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện	2125/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	90.000	81.000	16.000		16.000			10.000		10.000			UBND huyện Bù Gia Mập
22	Xây dựng Đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	2142/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	60.000	54.000	5.000		5.000			5.000		5.000			UBND huyện Bù Đăng
23	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL14 đi xã Đăk Nhau	2175/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	80.000	72.000	20.000		20.000			10.000		10.000			UBND huyện Bù Đăng
24	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	595/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	60.000	54.000	5.000		5.000			5.000		5.000			UBND huyện Bù Đăng
25	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long)	2784/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	91.000	18.100	10.000		10.000			-		-			UBND thị xã Bình Long
26	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	469/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	130.000	79.300	30.000		30.000			30.000		30.000			UBND thị xã Bình Long
27	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	588/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	130.000	117.000	30.000		30.000			30.000		10.000	20.000		UBND thị xã Bình Long
28	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	3025/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	50.000	45.000	20.000		20.000			8.000		8.000			UBND thị xã Phước Long
29	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	2208/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	20.000		20.000			15.000		15.000			UBND thị xã Phước Long
30	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	2209/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	80.000	72.000	40.000		40.000			35.000	7.000	28.000			UBND thị xã Phước Long
31	Xây dựng đường từ ĐT.759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	2205/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	20.000		20.000			20.000		20.000			UBND thị xã Phước Long
32	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hớn Quản	550/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	180.000	162.000	20.000		20.000			5.000		5.000			UBND huyện Hớn Quản
33	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	270.000	243.000	20.000		20.000			20.000		20.000			UBND huyện Hớn Quản
34	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan huyện Hớn Quản	3316/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	60.000	54.000	20.000		20.000			14.606		14.606			UBND huyện Hớn Quản
35	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	2064/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	110.000	99.000	20.000		20.000			15.000		15.000			UBND huyện Hớn Quản
36	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng).	2084/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	50.000	45.000	20.000		20.000			20.000		20.000			UBND huyện Phú Riềng
37	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	1230/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	200.000	180.000	50.000			50.000		50.000			50.000		UBND huyện Phú Riềng
38	Xây dựng Kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản).	3195/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	90.000	81.000	25.400		25.400			25.400			25.400		UBND huyện Phú Riềng



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				
						Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
39	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	3072/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000	20.000		20.000			30.000		20.000	10.000		UBND huyện Phú Riềng
II	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT		200.000	180.000	56.300			56.300		37.300			37.300		
1	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	1029/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	10.000			10.000		10.000			10.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	50.000	45.000	20.000			20.000		9.100			9.100		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	1030/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	15.000			15.000		11.300			11.300		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	809/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	50.000	45.000	11.300			11.300		6.900			6.900		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
III	Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp		20.000	50.000	10.000	10.000				10.000	10.000				
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	1420/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	20.000	18.000	5.000		5.000			5.000	5.000				Chi cục Kiểm Lâm
2	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã			32.000	5.000		5.000			5.000	5.000				Liên minh HTX
IV	Giáo dục và Đào tạo		260.000	1.074.000	264.000			264.000		248.000			248.000		
1	Hỗ trợ các huyện xây dựng 280 phòng học			840.000	196.000			196.000		196.000			196.000		
1.1	Hỗ trợ huyện Bù Đăng 30 phòng học			203.000	21.000			21.000		21.000			21.000		
1.2	Hỗ trợ huyện Bù Đốp 30 phòng học			91.000	21.000			21.000		21.000			21.000		
1.3	Hỗ trợ huyện Lộc Ninh 70 phòng học			119.000	49.000			49.000		49.000			49.000		
1.4	Hỗ trợ huyện Phú Riềng 20 phòng học			81.200	14.000			14.000		14.000			14.000		
1.5	Hỗ trợ huyện Hớn Quản 70 phòng học			77.000	49.000			49.000		49.000			49.000		
1.6	Hỗ trợ huyện Đồng Phú 40 phòng học			56.000	28.000			28.000		28.000			28.000		
1.7	Hỗ trợ thị xã Phước Long 20 phòng học			63.000	14.000			14.000		14.000			14.000		
1.8	Hỗ trợ huyện Bù Gia Mập 124 phòng học			86.800						-					
1.9	Hỗ trợ thị xã Bình Long 50 phòng học			35.000						-					
1.10	Hỗ trợ thị xã Chơn Thành 40 phòng học			28.000						-					
2	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	237/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	30.000	27.000	7.000			7.000		7.000			7.000		UBND huyện Hớn Quản
3	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	153/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	30.000	27.000	7.000			7.000		7.000			7.000		UBND huyện Bù Đốp
4	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	883/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	30.000	27.000	7.000			7.000		7.000			7.000		UBND huyện Bù Đốp



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Chủ đầu tư		
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:					
						Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết		Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất		Xô số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương
5	Xây dựng trường THPT Bình Long	1990/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	150.000	135.000	35.000			35.000		19.000			19.000		UBND thị xã Bình Long
6	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	2072/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	20.000	18.000	12.000			12.000		12.000			12.000		UBND huyện Bù Đăng
V	Văn hóa xã hội		330.000	297.000	96.140	70.040	-	26.100		96.140	70.040	-	26.100	-	
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	2833/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	130.000	117.000	35.040	35.040				35.040	35.040				Đài PTTH và Báo Bình Phước
2	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	3078/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000	26.100			26.100		26.100			26.100		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh BP	3271/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	80.000	72.000	35.000	35.000				35.000	35.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VI	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số		476.000	431.400	165.000	15.000	-	150.000		165.000	15.000	-	150.000	-	
1	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	1194/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	446.000	401.400	150.000			150.000		150.000			150.000		Sở Thông tin và Truyền thông
2	Đầu tư trang thiết bị cho bộ phận một cửa các cấp và lực lượng Công an để triển khai mô hình dịch vụ công theo Đề án 06/CP	1721/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	30.000	30.000	15.000	15.000				15.000	15.000				Công an tỉnh
G2	Dự án khởi công mới		486.000	379.200	198.000	25.000	-	173.000		188.000	25.000	20.000	143.000	-	
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		100.000	90.000	30.000	-	-	30.000		30.000	-	-	30.000	-	
1	Xây dựng đường liên khu phố 4, khu phố 5 TT Chơn thành đến KCN Chơn Thành	79/QĐ-UBND ngày 16/01/2023	100.000	90.000	30.000			30.000		30.000			30.000		UBND thị xã Chơn Thành
II	Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp		138.000	124.000	49.000	-	-	49.000		39.000	-	-	39.000	-	
1	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Đak Woa, huyện Bù Đăng	2043/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	138.000	124.000	49.000			49.000		39.000			39.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
III	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số		55.000	50.000	25.000	-	-	25.000		25.000	-	-	25.000	-	
1	Đầu tư hệ thống giám sát giao thông, an ninh trên địa bàn tỉnh	1922/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	55.000	50.000	25.000			25.000		25.000			25.000		Công an tỉnh
IV	Quản lý nhà nước		65.000	-	59.000	-	-	59.000		59.000	-	20.000	39.000	-	
1	Cải tạo, nâng cấp Hội trường tỉnh	1026/QĐ-UBND ngày 26/7/2024	65.000		59.000			59.000		59.000		20.000	39.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
V	Quốc phòng - An ninh		128.000	115.200	35.000	25.000	-	10.000		35.000	25.000	-	10.000	-	
1	Xây dựng kho vũ khí đạn Bộ CHQS tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	25/QĐ-UBND ngày 03/01/2024	43.000	38.700	10.000			10.000		10.000			10.000		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
2	Sở chỉ huy thông nhất tỉnh Bình Phước - giai đoạn 1; Mật danh: HBP-21/GĐ1	142/QĐ-QK ngày 10/11/2023	50.000	45.000	10.000	10.000				10.000	10.000				Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
3	Xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2)	744/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	35.000	31.500	15.000	15.000				15.000	15.000				Công an tỉnh

Phụ lục 1.1

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số *103*/QĐ-UBND ngày *08* tháng *11* năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			Chủ đầu tư
		Tổng số	Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	
	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	310.760	151.760	159.000	310.760	151.760	159.000	
I	MUA XI MĂNG TẬP TRUNG THỰC HIỆN CƠ CHẾ ĐẶC THÙ	44.850		44.850	44.850		44.850	
1	Mua xi măng đợt I	44.850		44.850	44.850		44.850	Văn phòng điều phối xây dựng NTM
II	XÃ NÔNG THÔN MỚI	225.981	120.522	105.459	225.981	120.522	105.459	
1	Xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2024	92.500	62.500	30.000	92.500	62.500	30.000	
a	Huyện Hớn Quản	18.500	12.500	6.000	18.500	12.500	6.000	
	Xã Tân Hưng	18.500	12.500	6.000	18.500	12.500	6.000	
b	Huyện Bù Gia Mập	18.500	12.500	6.000	18.500	12.500	6.000	
	Xã Phú Văn	18.500	12.500	6.000	18.500	12.500	6.000	
c	Huyện Bù Đăng	55.500	37.500	18.000	55.500	37.500	18.000	
	Xã Nghĩa Bình	18.500	12.500	6.000	18.500	12.500	6.000	
	Xã Đồng Nai	18.500	12.500	6.000	18.500	12.500	6.000	
	Xã Đăng Hà	18.500	12.500	6.000	18.500	12.500	6.000	
2	Nâng cao chất lượng, giữ vững tiêu chí sau đạt chuẩn	66.000	56.000	10.000	66.000	56.000	10.000	
2.1	Bổ sung nhiệm vụ cho 10 xã đã đạt chuẩn năm 2021 theo bộ tiêu chí mới	42.000	42.000		42.000	42.000		
a	Huyện Hớn Quản	8.400	8.400		8.400	8.400		
	Xã Minh Tâm	4.200	4.200		4.200	4.200		
	Xã An Phú	4.200	4.200		4.200	4.200		
b	Huyện Lộc Ninh	8.400	8.400		8.400	8.400		
	Xã Lộc Khánh	4.200	4.200		4.200	4.200		
	Xã Lộc Quang	4.200	4.200		4.200	4.200		
c	Huyện Bù Đốp	4.200	4.200		4.200	4.200		
	Xã Hưng Phước	4.200	4.200		4.200	4.200		
d	Huyện Bù Gia Mập	4.200	4.200		4.200	4.200		
	Xã Phước Minh	4.200	4.200		4.200	4.200		
e	Huyện Phú Riềng	8.400	8.400		8.400	8.400		
	Xã Long Tân	4.200	4.200		4.200	4.200		
	Xã Long Bình	4.200	4.200		4.200	4.200		
f	Huyện Bù Đăng	8.400	8.400		8.400	8.400		
	Xã Đường 10	4.200	4.200		4.200	4.200		
	Xã Thống Nhất	4.200	4.200		4.200	4.200		
2.2	Nâng cao chất lượng tiêu chí cho 7 xã đã đạt chuẩn năm 2022 và 7 xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2023	14.000	14.000		14.000	14.000		
a	Huyện Hớn Quản	2.000	2.000		2.000	2.000		
	Xã Minh Đức (xã 2022)	1.000	1.000		1.000	1.000		
	Xã Thanh An (xã 2023)	1.000	1.000		1.000	1.000		
b	Huyện Lộc Ninh	3.000	3.000		3.000	3.000		
	Xã Lộc Hòa (xã 2022)	1.000	1.000		1.000	1.000		
	Xã Lộc Thành (xã 2022)	1.000	1.000		1.000	1.000		
	Xã Lộc Phú (xã 2023)	1.000	1.000		1.000	1.000		
c	Huyện Bù Đốp	1.000	1.000		1.000	1.000		
	Xã Phước Thiện (xã 2022)	1.000	1.000		1.000	1.000		
d	Huyện Bù Gia Mập	1.000	1.000		1.000	1.000		
	Xã Đak O (xã 2023)	1.000	1.000		1.000	1.000		
f	Huyện Phú Riềng	3.000	3.000		3.000	3.000		
	Xã Long Hà (xã 2022)	1.000	1.000		1.000	1.000		
	Xã Phú Trung (xã 2023)	1.000	1.000		1.000	1.000		
	Xã Phước Tân (xã 2023)	1.000	1.000		1.000	1.000		
g	Huyện Bù Đăng	4.000	4.000		4.000	4.000		
	Xã Thọ Sơn (xã 2022)	1.000	1.000		1.000	1.000		
	Xã Đoàn Kết (xã 2022)	1.000	1.000		1.000	1.000		
	Xã Phước Sơn (xã 2023)	1.000	1.000		1.000	1.000		



Chủ đầu tư các dự án xây dựng nông thôn mới thực hiện theo quy định tại Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			Chủ đầu tư
		Tổng số	Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	
	Xã Đak Nhou (xã 2023)	1.000	1.000		1.000	1.000		Chủ đầu tư các dự án xây dựng nông thôn mới thực hiện theo quy định tại Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025
2.3	Bổ sung nhiệm vụ theo bộ tiêu chí mới cho 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021	10.000		10.000	10.000		10.000	
a	Huyện Đồng Phú	2.000		2.000	2.000		2.000	
	Xã Tân Lập	2.000		2.000	2.000		2.000	
b	Huyện Hớn Quản	2.000		2.000	2.000		2.000	
	Xã Thanh Bình	2.000		2.000	2.000		2.000	
c	Huyện Bù Gia Mập	2.000		2.000	2.000		2.000	
	Xã Đa Kía	2.000		2.000	2.000		2.000	
d	Huyện Phú Riềng	2.000		2.000	2.000		2.000	
	Xã Phú Riềng	2.000		2.000	2.000		2.000	
e	Huyện Bù Đăng	2.000		2.000	2.000		2.000	
	Xã Minh Hưng	2.000		2.000	2.000		2.000	
3	Các xã phân đầu đạt chuẩn nâng cao năm 2024	49.600		49.600	49.600		49.600	
a	Huyện Đồng Phú	9.000		9.000	9.000		9.000	
	Xã Tân Phước	9.000		9.000	9.000		9.000	
b	Thị xã Chơn Thành	6.800		6.800	6.800		6.800	
	Xã Nha Bích	6.800		6.800	6.800		6.800	
c	Huyện Hớn Quản	9.000		9.000	9.000		9.000	
	Xã Tân Quan	9.000		9.000	9.000		9.000	
d	Thị xã Bình Long	6.800		6.800	6.800		6.800	
	Xã Thanh Phú	6.800		6.800	6.800		6.800	
e	Huyện Lộc Ninh	9.000		9.000	9.000		9.000	
	Xã Lộc Hưng	9.000		9.000	9.000		9.000	
f	Huyện Phú Riềng	9.000		9.000	9.000		9.000	
	Xã Bình Tân	9.000		9.000	9.000		9.000	
4	Các xã kiểu mẫu	15.859		15.859	15.859		15.859	
a	Huyện Lộc Ninh	9.000		9.000	9.000		9.000	
	Xã Lộc Thái	9.000		9.000	9.000		9.000	
b	Thị xã Phước Long	6.859		6.859	6.859		6.859	
	Xã Phước Tín	6.859		6.859	6.859		6.859	
5	Nâng số lượng tiêu chí xã về đích năm 2025	2.022	2.022		2.022	2.022		
a	Huyện Bù Gia Mập	2.022	2.022		2.022	2.022		
	Xã Bù Gia Mập	2.022	2.022		2.022	2.022		
III	HUYỆN NÔNG THÔN MỚI	31.238	31.238		31.238	31.238		
I	Huyện Phú Riềng	31.238	31.238		31.238	31.238		
IV	HOÀN TRẢ CHO CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	8.691		8.691	8.691		8.691	Thực hiện Thông báo kết luận số 261/TB-KTNN ngày 07/7/2023 của Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành IV
1	Hoàn trả vốn đã cấp cho xã ATK (xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh)	1.691		1.691	1.691		1.691	
2	Hoàn trả vốn đã thưởng công trình phúc lợi (thị xã Bình Long, thị xã Phước Long, huyện Bù Đăng)	7.000		7.000	7.000		7.000	

Phụ lục 1.2

CHƯƠNG TRÌNH GIẢM 1.000 HỘ NGHÈO NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số *140/QĐ-UBND* ngày *08* tháng *11* năm *2024* của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Các huyện, thị xã	Tổng số		Hỗ trợ đất ở		Hỗ trợ sửa nhà ở		Hỗ trợ nước sinh hoạt						Hỗ trợ XD nhà vệ sinh	
								Trong đó:							
		Số hộ	Kinh phí	Số hộ	Kinh phí	Số hộ	Kinh phí	Giếng đào		Giếng khoan		Bồn đựng nước		Số hộ	Kinh phí
	Tổng cộng	624	9.710	34	698	27	789	46	690	148	4.390	208	728	161	2.415
1	Huyện Bù Gia Mập	319	3.622	26	344					85	2.550	208	728		
2	Huyện Bù Đốp	13	364	1	4					12	360				
3	Huyện Bù Đăng	205	4.085	7	350	24	720	46	690	27	810			101	1.515
4	Huyện Đồng Phú	3	45											3	45
5	Huyện Phú Riềng	4	78			3	69			1	9				
6	Huyện Hớn Quản	57	855											57	855
7	Huyện Lộc Ninh	22	660							22	660				
8	Thị xã Bình Long	1	1							1	1				



Phụ lục 1.3
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CÁC ĐƠN VỊ	Tổng cộng các dự án của chương trình		CHI TIẾT THEO DỰ ÁN THÀNH PHẦN										Ghi chú	
				Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐBDTTS&MN		Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS và miền núi		Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			
		Trong đó:								Trong đó:					
		Tổng số								Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh		
		Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh		
	TỔNG CỘNG	207.432	188.432	19.000	12.176	1.218	68.314	6.988	70.134	7.012	22.485	2.249	15.323	1.533	
1	Huyện Bù Đốp	11.067	10.060	1.007	120	12					5.885	589	4.055	406	Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và các dự án thành phần theo Kế hoạch của UBND tỉnh phê duyệt
2	Huyện Bù Đăng	27.116	24.651	2.465	3.500	350			19.613	1.961			1.538	154	
3	Huyện Bù Gia Mập	84.125	76.478	7.647	620	62	54.404	5.440	12.173	1.217	6.634	663	2.647	265	
4	Huyện Đồng Phú	25.816	23.469	2.347	3.160	316			8.434	843	9.966	997	1.909	191	
5	Huyện Hớn Quản	3.156	2.869	287	560	56			1.609	161			700	70	
6	Huyện Phú Riềng	4.048	3.680	368	3.140	314							540	54	
7	Huyện Lộc Ninh	51.011	46.231	4.780	1.076	108	13.910	1.548	28.305	2.830			2.940	294	
8	Thị xã Bình Long	519	472	47									472	47	
9	Ban Dân tộc	574	522	52									522	52	



Phụ lục 1.4

TÁT TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN

(Kèm theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự toán	Kế hoạch vốn năm 2024	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng số		24.180	44.450		
1	Xây dựng đường giao thông từ ngã ba Vườn chuối (quốc lộ 14) đến vực trảng cỏ Bù Lạch, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	1009/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	9.680	9.680	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
2	Xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Bình Phước	1629/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	11.380	11.380	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
3	Xây dựng khu điều dưỡng và phục hồi chức năng Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe tỉnh	129/QĐ-STC ngày 28/11/2022	20	20	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
4	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Phú	1827/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	1.350	1.350	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
5	Trường THPT Đồng Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	1642/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	140	140	UBND huyện Đồng Phú	Không vượt tổng mức đầu tư
6	Xây dựng nhà đa năng và hạ tầng trường THPT Nguyễn Khuyến, huyện Phú Riềng	137/QĐ-STC ngày 21/11/2023	1.610	1.610	UBND huyện Phú Riềng	Không vượt tổng mức đầu tư
7	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	2089/QĐ-UBND ngày 22/12/2023		6.412	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
8	Giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn phục vụ dự án xây dựng cầu dân sinh (Dự án LRAMP) trên địa bàn tỉnh Bình Phước	1148/QĐ-UBND ngày 24/7/2024		24	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
9	Trại thực nghiệm Khoa học và Công nghệ	1188/QĐ-UBND ngày 02/8/2024		4.912	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
10	Nhà trưng bày, phòng chức năng và hạ tầng kỹ thuật tại vườn sưu tập thực vật tỉnh Bình Phước	184/QĐ-STC ngày 22/12/2023		19	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
11	Xây dựng Khu cách ly tập trung và Bệnh viện dã chiến tuyến tỉnh điều trị Covid-19	679/QĐ-UBND ngày 23/4/2024		50	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
12	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Đồng Phú	60/QĐ-UBND ngày 10/01/2024		98	UBND huyện Đồng Phú	Không vượt tổng mức đầu tư
13	Nâng cấp láng nhựa tuyến đường từ trung tâm xã đi 3 ấp Phước Tiến, Nam Đô đến ngã ba ấp Sác Xi, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú.	986/QĐ-UBND ngày 21/6/2024		667	UBND huyện Đồng Phú	Không vượt tổng mức đầu tư
14	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước - Đồng Tiến - Đồng Tâm, huyện Đồng Phú	988/QĐ-UBND ngày 21/6/2024		5.225	UBND huyện Đồng Phú	Không vượt tổng mức đầu tư
15	Xây dựng khối hiệu bộ, khối bộ môn, nhà đa năng trường THPT Tân Tiến, huyện Bù Đốp	792/QĐ-UBND ngày 10/5/2024		162	UBND huyện Bù Đốp	Không vượt tổng mức đầu tư
16	Xây dựng Trường mầm non Hưng Phước	1308/QĐ-UBND ngày 20/8/2024		94	UBND huyện Bù Đốp	Không vượt tổng mức đầu tư
17	Đường và cầu từ ĐT 759 đến trung tâm xã Phước Minh huyện Bù Gia Mập	19/QĐ-STC ngày 26/3/2024		844	UBND huyện Bù Gia Mập	Không vượt tổng mức đầu tư
18	Nhà ở cán bộ, chiến sỹ, hội trường, nhà ăn và hồ bơi cho các đơn vị thuộc Trung đoàn 736 tỉnh Bình Phước	61/QĐ-UBND ngày 10/01/2024		1.713	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
19	Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã	203/QĐ-STC ngày 29/12/2023		50	Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bình Phước	Không vượt tổng mức đầu tư

Biểu số 2

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
	TỔNG SỐ				10.206.865	739.691	739.691	
A	Các Chương trình mục tiêu quốc gia				1.332.631	343.891	343.891	
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				529.110	151.760	151.760	Phụ lục 1.1
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				10.111	3.699	3.699	Phụ lục 2.1
III	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				793.410	188.432	188.432	Phụ lục 1.3
B	Các chương trình mục tiêu		2.990.000	2.552.734	8.874.234	395.800	395.800	
I	Các dự án chuyển tiếp		2.335.000	2.320.000	1.975.000	349.800	349.800	
1	Giao thông		1.600.000	1.585.000	1.240.000	234.000	234.000	
1.1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387/QĐ/UBND ngày 8/2/2021; 1631/QĐ-UBND ngày 7/9/2022	1.450.000	1.450.000	1.105.000	199.000	199.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
1.2	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biên đi cầu Đò xã Lộc Điền)	853/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	150.000	135.000	135.000	35.000	35.000	UBND huyện Lộc Ninh
2	Hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế		585.000	585.000	585.000	69.000	69.000	
2.1	Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu với khu công nghiệp Minh Hưng Sikico huyện Hớn Quản	551/QĐ-UBND ngày 5/3/2021	185.000	185.000	185.000	5.000	5.000	UBND huyện Hớn Quản

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh Kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
2.2	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	214/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	400.000	400.000	400.000	64.000	64.000	UBND huyện Đồng Phú
3	Quốc phòng		150.000	150.000	150.000	46.800	46.800	
3.1	Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đắc O huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện huyện Bù Đốp; Lộc An huyện Lộc Ninh; Lộc thiện huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	216/QĐ-UBND ngày 25/1/2021	150.000	150.000	150.000	46.800	46.800	Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh
II	Các dự án khởi công mới năm 2024		655.000	232.734	6.899.234	46.000	46.000	
1	Giao thông		655.000	232.734	6.899.234	46.000	46.000	
1	Nâng cấp, mở rộng ĐT753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu	2118/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	655.000	232.734	232.734	46.000	46.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh



Phụ lục 2.1
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGÈO BỀN VỮNG NĂM 2024
Nguồn ngân sách trung ương

(Kèm theo Quyết định số **1703/QĐ-UBND** ngày **08** tháng **11** năm **2024** của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư
	Tiểu dự án 3, Dự án 4: Hỗ trợ việc làm bền vững	3.699	3.699	
I	Tổng vốn giao đợt 1	2.589	2.589	
1	Đầu tư xây dựng hệ thống phần mềm thông tin thị trường lao động	2.589	2.589	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
II	Số vốn còn lại chưa giao	1.110	1.110	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn



Biểu số 3

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư							Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh kế hoạch năm 2024	Chủ đầu tư	
		Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT					Tổng số	Trong đó:					
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng nguồn NSTW					
				Tổng số	Trong đó:	Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước				Vốn nước ngoài (vốn NSTW)
							Vốn ngân sách tỉnh	Tính bằng nguyên tệ							
					Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại									
	TỔNG SỐ		140.000	28.000	28.000		111.653	111.653		111.653		111.653	44.661	44.661	
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		140.000	28.000	28.000		111.653	111.653		111.653		111.653	44.661	44.661	
1	Dự án khởi công mới		140.000	28.000	28.000		111.653	111.653		111.653		111.653	44.661	44.661	
-	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở	1640/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	140.000	28.000	28.000		111.653	111.653		111.653		111.653	44.661	44.661	Sở Y tế

